

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 12 - 2024.
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.
2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 547/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã Phước Thuận, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ở: Khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh N1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà N và ông Huỳnh Thanh N1 đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không tổ chức đám cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành

phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 ngày 14 tháng 7 năm 2023. Sau khi kết hôn bà và ông N1 sinh sống tại nhà riêng của gia đình bà ở phường P, thành phố P. Trong quá trình chung sống ông N1 thường xuyên đi làm xa nhà không chăm lo cho gia đình nên bà và ông N1 xảy ra tranh cãi thường xuyên. Từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay bà và ông N1 không còn sống chung, không gặp gỡ nhau, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Ông N1 bỏ về lại nhà ở khu phố 7, phường M sinh sống, chặn mọi liên lạc với bà. Nay mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Thời gian mâu thuẫn kéo dài và không còn chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N1.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông N1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh N1: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông N1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Thanh N1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường M, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 28/11/2024, nguyên đơn bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông N1 nhưng ông N1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Bà N và ông N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 ngày 14/7/2023 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày: Quá trình chung sống, bà và ông N1 không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau do mâu thuẫn. Từ tháng 01/2024 cho đến nay bà và ông N1 không còn sống chung, không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Tại biên bản xác minh, Trưởng khu phố 7, phường M xác nhận hiện nay bà N và ông N1 không còn sống chung với nhau, điều đó thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông N1 là có thật. Đối với ông N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông N1 không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải vụ án bà N trình bày bà và ông N1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh N1.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003100 ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Mỹ Đông, TP.PR-TC
(GCNKH số: 75, ngày 14/7/2023);
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu